

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1246/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hải

2. Ông Lê Phú Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thanh Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Nam Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 0130/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 273/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tô Thị Ánh T, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: 4 Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lương Thanh N, sinh năm 1955. (vắng mặt)

Địa chỉ: 6 N, Phường D, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2023 của nguyên đơn bà Tô Thị Ánh T và trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn bà Tô Thị Ánh T trình bày:

Bà Tô Thị Ánh T có quen biết ông Lương Thanh N thông qua làm ăn với nhau, do đó ngày 02/7/2019 bà có cho ông N vay số tiền 200.000.000 đồng bằng tiền cá nhân của bà, mục đích vay để sử dụng cho việc làm ăn cá nhân của ông N. Sau đó ông N có mượn thêm tiền của bà T nhiều lần. Việc giao nhận tiền giữa hai bên đều có giấy

viết tay nhận tiền của ông N. Sau một thời gian, ông N có trả cho bà T một ít tiền gốc đã vay. Tới ngày 05/8/2020, bà T và ông N cùng thống kê lại và ông N có ghi ra giấy bảng tạm tính số tiền còn lại là 183.000.000 đồng và ông N cam kết sẽ sớm trả cho bà T nhưng ông không trả. Tới ngày 01/7/2022, ông N có làm giấy viết tay cam kết trong vòng 30 ngày sẽ trả tiền cho bà T theo biên nhận nợ và lãi phát sinh, ngày trả là 30/7/2022. Tuy nhiên, đến nay ông N cũng không trả tiền cho bà T mà liên tục trốn tránh, không nghe điện thoại của bà.

Tại thời điểm cho ông N vay lần đầu tiên và đến hiện tại bà T vẫn độc thân (đã ly hôn). Và tại thời điểm cho vay mặc dù ông N cũng có vợ con nhưng bà T và ông N thỏa thuận đây là khoản vay cá nhân của ông N, không liên quan tới vợ con của ông. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông N trả nợ số tiền 183.000.000 đồng theo Giấy cam kết ngày 01/7/2022.

Trước đây, bà T có yêu cầu tính lãi đối với số tiền còn nợ 183.000.000 đồng. Nay bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà T không yêu cầu ông N trả tiền lãi nữa.

- Bị đơn ông Lương Thanh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Tô Thị Ánh T trình bày: Bà Tô Thị Ánh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Lương Thanh N về việc yêu cầu trả số tiền vay 183.000.000 (một trăm tám mươi ba triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi đối với ông N. Nguyên đơn khẳng định các tài liệu, chứng cứ đã được giao nộp đầy đủ trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài những tài liệu, chứng cứ đã nộp trong hồ sơ, nguyên đơn không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn ông Lương Thanh N tiếp tục vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng; Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ do Tòa án thu thập và do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền vay 183.000.000 (một trăm tám

mười ba triệu) đồng; đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Ánh T đối với ông Lương Thanh N có địa chỉ tại 6 N, Phường D, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Ngay sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà Tô Thị Ánh T về yêu cầu ông Lương Thanh N trả nợ vay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho ông N như thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập ông N đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Vì vậy, ông N đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật này quy định những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra nhưng phía bị đơn không có ý kiến phản đối thì nguyên đơn không có nghĩa vụ phải chứng minh, chứng cứ này được xem là có giá trị và được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lương Thanh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền vay 183.000.000 (một trăm tám mươi ba triệu) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào bản tự khai và bản chính các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp bao gồm Giấy vay tiền ngày 02/7/2019, Giấy vay tiền ngày 18/7/2019, Giấy vay

tiền ngày 18/9/2019, Giấy vay tiền ngày 03/12/2019, Giấy vay tiền ngày 18/12/2019, Giấy vay tiền ngày 26/02/2020 và Giấy cam kết ngày 01/7/2022 (các giấy vay tiền và giấy cam kết đều là bản viết tay dùng mực màu xanh) có cơ sở xác định giữa bà T và ông N có thỏa thuận với nhau bằng văn bản về việc vay tài sản.

Việc thỏa thuận vay tài sản này phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Thời hạn vay theo thỏa thuận giữa hai bên đã hết, do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên T thu hồi nợ vay là đúng theo thỏa thuận đã ký.

Căn cứ Công văn số 527/TAPN ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xác minh thu thập chứng cứ: “Đương sự Lương Thanh N có hộ khẩu thường trú tại 6 N, Phường D, quận P. Bà Tô Thị Ánh T có làm đơn tố cáo hành vi trốn tránh trả nợ của ông Lương Thanh N. Công an P, quận P có mời ông N lên làm việc. Ông N thừa nhận đã vay số tiền trên.”

Căn cứ Biên bản ghi lời khai ngày 14/12/2022 tại Công an P, quận P đối với ông Lương Thanh N thể hiện: Ông Lương Thanh N quen biết bà Tô Thị Ánh T qua bạn ở hội đồng hương quê Thái Bình và có vay tiền của bà T để làm ăn. Năm 2019, ông N vay tiền của bà T lần đầu tiên tại quán cà phê trong khu C đường N, Phường G, quận G. Ông N không nhớ đã vay tiền lần đầu là bao nhiêu, chỉ nhớ đã vay nhiều lần của bà T và tổng số tiền vay là khoảng trên một trăm triệu đồng, không nhớ số tiền chính xác. Những lần vay tiền của bà T đều có giấy viết tay thể hiện việc vay tiền và có chữ ký xác nhận của ông N và bà T. Ông N đã trả tiền cả gốc và lãi cho bà T nhiều lần và hiện tại ông N không còn nhớ nợ bà T bao nhiêu.

Do đó, yêu cầu của bà T buộc ông N trả nợ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông N có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vay 183.000.000 (một trăm tám mươi ba triệu) đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung rút yêu cầu tính lãi đối với bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc nguyên đơn bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Lương Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán.

- Bà Tô Thị Ánh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 244, Điều 264, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Ánh T:

- Buộc ông Lương Thanh N phải trả cho bà Tô Thị Ánh T số tiền vay 183.000.000 (một trăm tám mươi ba triệu) đồng, theo Giấy vay tiền ngày 02/7/2019, Giấy vay tiền ngày 18/7/2019, Giấy vay tiền ngày 18/9/2019, Giấy vay tiền ngày 03/12/2019, Giấy vay tiền ngày 18/12/2019, Giấy vay tiền ngày 26/02/2020 và Giấy cam kết ngày 01/7/2022.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu của bà Tô Thị Ánh T về tính lãi phát sinh đối với số tiền vay 183.000.000 (một trăm tám mươi ba triệu) đồng.

2. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Tô Thị Ánh T (đối với các khoản tiền phải trả cho bà T) cho đến khi thi hành án xong, ông Lương Thanh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Lương Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.150.000 (chín triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

- Nguyên đơn bà Tô Thị Ánh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0030168 ngày 01/3/2023 và số tiền tạm ứng án phí 4.618.000 (bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0030198 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương Giang